

**ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 81 /PGDĐT

Quận 8, ngày 17 tháng 02 năm 2022

Về việc gửi tài liệu tuyên truyền một số
quy định liên quan đến người lao động,
người sử dụng lao động

Kính gửi: Thủ trưởng các cơ sở giáo dục.

Căn cứ Công văn số 77/TP-PBGDPL ngày 14 tháng 02 năm 2022 của Phòng
Tư pháp Quận 8 về việc gửi tài liệu tuyên truyền một số quy định liên quan đến
người lao động, người sử dụng lao động.

Nhằm đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến về một số quy định liên quan
đến người lao động, người sử dụng lao động trên địa bàn quận. Phòng Tư pháp Quận 8 –
Cơ quan thường trực Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật Quận 8 biên soạn tờ
gấp trích từ các văn bản có liên quan, để tuyên truyền.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị Thủ trưởng các cơ sở giáo dục tổ chức
rộng rãi cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và doanh nghiệp có hợp
tác với đơn vị bằng nhiều hình thức khác nhau.

Bên cạnh đó, Phòng Tư pháp Quận 8 đã phối hợp với Văn phòng Ủy ban
nhân dân Quận 8 đăng tải tài liệu tuyên truyền trên trang thông tin điện tử của Ủy ban
nhân dân quận 8 (<http://www.quan8.hochiminhcity.gov.vn>) để các đơn vị cập nhật
tuyên truyền.

Đề nghị Thủ trưởng các cơ sở giáo dục nghiêm túc triển khai thực hiện.

(Đính kèm tài liệu tuyên truyền)./.

Nơi nhận:

- Như trên (qua mail);
- Phòng Tư pháp Quận 8;
- Lãnh đạo PGD&ĐT;
- Lưu: VT (Thanh).



TRƯỞNG PHÒNG

Dương Văn Dân

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8
HỘI ĐỒNG PHỐI HỢP PHỔ BIẾN GIÁO DỤC PHÁP LUẬT

MỘT SỐ QUY ĐỊNH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG; NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG

(Trích Bộ Luật lao động 2019; Luật Bảo hiểm xã hội 2014;
Nghị định số 108/2021/NĐ-CP ngày 07/12/2021 của Chính phủ
điều chỉnh lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp
hàng tháng; Thông tư số 18/2021/TT-BLĐTBXH
ngày 15/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và
Xã hội ban hành Thông tư quy định về thời giờ làm việc, thời giờ
nghỉ ngơi đối với người lao động làm các công việc sản xuất có
tính thời vụ, công việc gia công theo đơn đặt hàng)



THÁNG 02/2022

ĐỐI TƯỢNG THAM GIA BHXH BẮT BUỘC (KHOẢN 1, ĐIỀU 2, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)

Người lao động là công dân Việt Nam thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bao gồm:

- a) Người làm việc theo hợp đồng lao động không xác định thời hạn, hợp đồng lao động xác định thời hạn, hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định có thời hạn từ đủ 03 tháng đến dưới 12 tháng, kể cả hợp đồng lao động được ký kết giữa người sử dụng lao động với người đại diện theo pháp luật của người dưới 15 tuổi theo quy định của pháp luật về lao động;
- b) Người làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 01 tháng đến dưới 03 tháng;
- c) Cán bộ, công chức, viên chức;
- d) Công nhân quốc phòng, công nhân công an, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu;
- đ) Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật công an nhân dân; người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân;
- e) Hạ sĩ quan, chiến sĩ quân đội nhân dân; hạ sĩ quan, chiến sĩ công an nhân dân phục vụ có thời hạn; học viên quân đội, công an, cơ yếu đang theo học được hưởng sinh hoạt phí;
- g) Người đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng quy định tại Luật người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng;
- h) Người quản lý doanh nghiệp, người quản lý điều hành hợp tác xã có hưởng tiền lương;
- i) Người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn.

QUYỀN CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (ĐIỀU 18, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)

1. Được tham gia và hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.
2. Được cấp và quản lý sổ bảo hiểm xã hội.
3. Nhận lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội đầy đủ, kịp thời, theo một trong các hình thức chi trả sau:
 - a) Trực tiếp từ cơ quan bảo hiểm xã hội hoặc tổ chức dịch vụ được cơ quan bảo hiểm xã hội ủy quyền;
 - b) Thông qua tài khoản tiền gửi của người lao động mở tại ngân hàng;
 - c) Thông qua người sử dụng lao động.
4. Hưởng bảo hiểm y tế trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đang hưởng lương hưu;
 - b) Trong thời gian nghỉ việc hưởng trợ cấp thai sản khi sinh con hoặc nhận nuôi con nuôi;
 - c) Nghỉ việc hưởng trợ cấp tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp hàng tháng;
 - d) Đang hưởng trợ cấp ốm đau đối với người lao động mắc bệnh thuộc Danh mục bệnh cần chữa trị dài ngày do Bộ Y tế ban hành.
5. Được chủ động đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động nếu thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 45 của Luật này và đang bảo lưu thời gian đóng bảo hiểm xã hội; được thanh toán phí giám định y khoa nếu đủ điều kiện để hưởng bảo hiểm xã hội.
6. Ủy quyền cho người khác nhận lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội.
7. Định kỳ 06 tháng được người sử dụng lao động cung cấp thông tin về đóng bảo hiểm xã hội; định kỳ hằng năm được cơ quan bảo hiểm xã hội xác nhận về việc đóng bảo hiểm xã hội; được yêu cầu người sử dụng lao động và cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp thông tin về việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.
8. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG (ĐIỀU 19, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)

1. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này.
2. Thực hiện quy định về việc lập hồ sơ bảo hiểm xã hội.
3. Bảo quản sổ bảo hiểm xã hội.

QUYỀN CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (ĐIỀU 20, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)

1. Từ chối thực hiện những yêu cầu không đúng quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội.
2. Khiếu nại, tố cáo và khởi kiện về bảo hiểm xã hội theo quy định của pháp luật.

TRÁCH NHIỆM CỦA NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG (ĐIỀU 21, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)

1. Lập hồ sơ để người lao động được cấp sổ bảo hiểm xã hội, đóng, hưởng bảo hiểm xã hội.
2. Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định tại Điều 86 và hàng tháng trích từ tiền lương của người lao động theo quy định tại khoản 1 Điều 85 của Luật này để đóng cùng một lúc vào quỹ bảo hiểm xã hội.
3. Giới thiệu người lao động thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 45 và Điều 55 của Luật này đi khám giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa.
4. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả trợ cấp bảo hiểm xã hội cho người lao động.
5. Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả sổ bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.
6. Cung cấp chính xác, đầy đủ, kịp thời thông tin, tài liệu liên quan đến việc đóng, hưởng bảo hiểm xã hội theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, cơ quan bảo hiểm xã hội.
7. Định kỳ 06 tháng, niêm yết công khai thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động; cung cấp thông tin về việc đóng bảo hiểm xã hội của người lao động khi người lao động hoặc tổ chức công đoàn yêu cầu.
8. Hằng năm, niêm yết công khai thông tin đóng bảo hiểm xã hội của người lao động do cơ quan bảo hiểm xã hội cung cấp theo quy định tại khoản 7 Điều 23 của Luật này.

**TRỢ CẤP MỘT LẦN KHI NGHỈ HƯU
(ĐIỀU 58, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)**

1. Người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu 75% thì khi nghỉ hưu, ngoài lương hưu còn được hưởng trợ cấp một lần.

2. Mức trợ cấp một lần được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội cao hơn số năm tương ứng với tỷ lệ hưởng lương hưu 75%, cứ mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính bằng 0,5 tháng mức bình quân tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội.

**XỬ LÝ VI PHẠM PHÁP LUẬT VỀ BẢO HIỂM XÃ HỘI
(ĐIỀU 122, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)**

➔ Cơ quan, tổ chức có hành vi vi phạm quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

➔ Cá nhân có hành vi vi phạm quy định của Luật này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

➔ Người sử dụng lao động có hành vi vi phạm quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 17 của Luật này từ 30 ngày trở lên thì ngoài việc phải đóng đủ số tiền chưa đóng, chậm đóng và bị xử lý theo quy định của pháp luật, còn phải nộp số tiền lãi bằng 02 lần mức lãi suất đầu tư quỹ bảo hiểm xã hội bình quân của năm trước liền kề tính trên số tiền, thời gian chậm đóng; nếu không thực hiện thì theo yêu cầu của người có thẩm quyền, ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước có trách nhiệm trích từ tài khoản tiền gửi của người sử dụng lao động để nộp số tiền chưa đóng, chậm đóng và lãi của số tiền này vào tài khoản của cơ quan bảo hiểm xã hội.

* Ghi chú: khoản 1, 2, 3, Điều 17 quy định các hành vi bị nghiêm cấm như sau: trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp; chậm đóng tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp; chiếm dụng tiền đóng, hưởng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp.

**MỨC ĐÓNG VÀ PHƯƠNG THỨC ĐÓNG CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC
(KHOẢN 1, ĐIỀU 85, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)**

- Người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 2 của Luật này, hằng tháng đóng bằng 8% mức tiền lương tháng vào quỹ hưu trí và tử tuất.
- Người lao động quy định điểm i khoản 1 Điều 2 của Luật này, hằng tháng đóng bằng 8% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất.

**MỨC ĐÓNG VÀ PHƯƠNG THỨC CỦA
NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG
(ĐIỀU 86, LUẬT BẢO HIỂM XÃ HỘI 2014)**

1. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên quỹ tiền lương đóng bảo hiểm xã hội của người lao động quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và h khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:

- 3% vào quỹ ốm đau và thai sản;
- 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất.

2. Người sử dụng lao động hằng tháng đóng trên mức lương cơ sở đối với mỗi người lao động quy định tại điểm e khoản 1 Điều 2 của Luật này như sau:

- 1% vào quỹ tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp;
- 22% vào quỹ hưu trí và tử tuất.

3. Người sử dụng lao động đóng hằng tháng bằng 14% mức lương cơ sở vào quỹ hưu trí và tử tuất cho người lao động quy định tại điểm i khoản 1 Điều 2 của Luật này.

4. Người sử dụng lao động không phải đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo quy định tại khoản 3 Điều 85 của Luật này.

5. Người sử dụng lao động là doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cá thể, tổ hợp tác hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp trả lương theo sản phẩm, theo khoán thì mức đóng hằng tháng theo quy định tại khoản 1 Điều này; phương thức đóng được thực hiện hằng tháng, 03 tháng hoặc 06 tháng một lần.

6. Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết khoản 5 Điều 85 và khoản 5 Điều 86 của Luật này.

**GIỚI HẠN GIỜ LÀM VIỆC TIÊU CHUẨN
HẰNG NGÀY VÀ GIỜ LÀM THÊM
(ĐIỀU 6, THÔNG TƯ SỐ 18/2021/TT-BLĐTBXH)**

1. Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm trong một ngày không quá 12 giờ.

2. Giới hạn giờ làm việc tiêu chuẩn và giờ làm thêm theo tuần, tháng được quy định như sau:

- Tổng số giờ làm việc tiêu chuẩn và số giờ làm thêm trong một tuần không quá 72 giờ.
- Tổng số giờ làm thêm trong một tháng không quá 40 giờ.

c) Người sử dụng lao động quyết định lựa chọn áp dụng quy định tại điểm a hoặc quy định tại điểm b khoản này, ghi vào kế hoạch thời giờ làm việc, thời giờ nghỉ ngơi trong năm quy định tại khoản 2, Điều 8 Thông tư này.

3. Tổng số giờ làm thêm trong một năm đối với mỗi người lao động không quá 300 giờ.

**TĂNG TUỔI NGHỈ HƯU CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG
(KHOẢN 2, ĐIỀU 169, BỘ LUẬT LAO ĐỘNG 2019)**

- Tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường được điều chỉnh theo lộ trình cho đến khi đủ 62 tuổi đối với lao động nam vào năm 2028 và đủ 60 tuổi đối với lao động nữ vào năm 2035.

- Kể từ năm 2021, tuổi nghỉ hưu của người lao động trong điều kiện lao động bình thường là đủ 60 tuổi 03 tháng đối với lao động nam và đủ 55 tuổi 04 tháng đối với lao động nữ; sau đó, cứ mỗi năm tăng thêm 03 tháng đối với lao động nam và 04 tháng đối với lao động nữ.

➔ Như vậy năm 2022, tuổi nghỉ hưu đối với lao động: nam là đủ 60 tuổi 6 tháng, đủ 55 tuổi 8 tháng đối với lao động nữ

**THỜI ĐIỂM VÀ MỨC ĐIỀU CHỈNH LƯƠNG HƯU,
TRỢ CẤP BHXH VÀ TRỢ CẤP HÀNG THÁNG
(ĐIỀU 2, NGHỊ ĐỊNH SỐ 108/2021/NĐ-CP)**

1. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 điều chỉnh tăng thêm 7,4% trên mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội và trợ cấp hằng tháng của tháng 12 năm 2021 đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 1 Nghị định này.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022, điều chỉnh tăng thêm đối với các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định này, cụ thể như sau: Tăng thêm 200.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng trở xuống; tăng lên bằng 2.500.000 đồng/người/tháng đối với những người có mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng từ 2.300.000 đồng/người/tháng đến dưới 2.500.000 đồng/người/tháng.

3. Mức lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội, trợ cấp hằng tháng sau khi điều chỉnh theo quy định tại Điều này là căn cứ để tính điều chỉnh lương hưu, trợ cấp ở những lần điều chỉnh tiếp theo.



Thực hiện bởi: Phòng Tư pháp Quận 8
(Cơ quan thường trực Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật)